

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày 22-4-2021
V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Nước
2. Ông Dương Quốc Võ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sĩ, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 166/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc B, sinh năm 1989 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã M, Hện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Trương Thuận Đ, sinh năm 1986 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 9 năm 2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B đã trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Trần Thuận Đ nguyên tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn ngày 09/12/2008 tại UBND xã M. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Đ thường chơi cờ bạc, uống rượu bia và có hành vi bạo lực với bà. Vì thế bà dẫn đưa con nhỏ về sống với cha mẹ ruột từ năm 2019 đến nay. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông Đ. Nếu tiếp tục chung sống với ông Đ bà không có hạnh phúc. Vì vậy, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Đ.

- Về con chung: Vợ chồng bà có hai con chung là Trương Đăng H, sinh ngày 01/11/2009 và Trương Phúc Th, sinh ngày 13/4/2018. Trong thời gian mới nộp đơn ly hôn thì cháu Th ở với bà, còn cháu H ở với ông Đ. Tuy nhiên, hiện tại hai con đã sống chung với bà. Vì vậy, bà yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà B khai vợ chồng bà không có nợ chung.

Theo biên bản lấy lời khai của Tòa án đối với bị đơn ông Trương Thuận Đ, ông Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Trong thời gian chung sống ông với bà Lê Thị Ngọc B có xảy ra mâu thuẫn do tình tình không hợp nhau. Vợ chồng ông đã ly thân đến nay khoảng chừng một năm. Nay bà B muốn ly hôn thì ông đồng ý ly hôn với bà B.

- Về con chung: Vợ chồng ông có hai con chung là Trương Đăng H, sinh ngày 01/11/2009 và Trương Phúc Th, sinh ngày 13/4/2018. Ông đồng ý cho bà B được quyền nuôi hai con.

- Về tài sản chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Đ khai vợ chồng ông không có nợ chung.

Cháu Trương Đăng H trình bày nguyện vọng được sống chung với bà Lê Thị Ngọc B.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc B.

+ Về con chung: Vị Kiểm sát viên đề nghị giao con chung là Trương Đăng H, sinh ngày 01/11/2009 cho bà Lê Thị Ngọc B nuôi dưỡng theo nguyện vọng của

cháu H và giao cháu Trương Phúc Th, sinh ngày 13/4/2018 cho bà Lê Thị Ngọc B nuôi dưỡng.

+ Về cấp dưỡng nuôi con: Bà B không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

+ Về tài sản chung: Bà B và ông Đ không có yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà B và ông Đ khai không có nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: bà Lê Thị Ngọc B khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Trương Thuận Đ và yêu cầu giải quyết việc nuôi con giữa bà B và ông Đ. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trương Thuận Đ có hộ khẩu thường trú tại Ấp N, xã T, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Trương Thuận Đ là bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét ý kiến của nguyên đơn, Kiểm sát viên và căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Trương Thuận Đ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc B và ông Trương Thuận Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 09/12/2008 tại UBND xã Mỹ Long Nam theo đúng quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của bà B và ông Đ là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo bà B trong thời gian chung sống, giữa bà và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn. Ông Đ cũng thừa nhận giữa ông và bà B cũng có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc bà B và ông Đ ly thân đến nay khoảng một năm. Kết quả xác minh của Tòa án thể hiện giữa bà B và ông Đ cũng có mâu thuẫn với nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải tạo điều kiện để bà B và ông Đ đoàn tụ tiếp tục chung sống nhưng bà B vẫn cương quyết ly hôn ông Đ. Còn ông Đ mặc dù có lời khai đồng ý ly hôn bà B nhưng không đến Tòa án dự phiên họp hòa giải. Khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ông Đ cũng xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng muốn được hạnh phúc là phải cùng yêu thương nhau, cùng chung sống và cùng mong muốn xây đắp gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên sau khi Tòa án tổ chức hòa giải, bà B một mực cương quyết yêu cầu ly hôn ông Đ vì cho rằng không còn tình cảm với ông Đ và không muốn tiếp tục chung sống với ông Đ. Tại phiên tòa, bà B không đồng ý rút lại đơn khởi kiện. Điều này cho thấy khả năng để bà B và ông Đ đoàn tụ để chung sống là rất khó thực hiện được. Bà B và ông Đ hiện tại đang sống ly thân. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc B như đề nghị của vị Kiểm sát viên.

[5] Về nuôi con: Bà Lê Thị Ngọc B và ông Trương Thuận Đ có con chung là Trương Đăng H, sinh ngày 01/11/2009 và Trương Phúc Th, sinh ngày 13/4/2018. Bà B và ông Đ đều thống nhất giao hai con chung cho bà B nuôi. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy giao cháu Trương Đăng H và Trương Phúc Th cho bà Lê Thị Ngọc B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nguyện vọng của cháu H, phù hợp quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Lê Thị Ngọc B là người được giao nuôi hai con chung nhưng không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Ngọc B có quyền yêu cầu ông Trương Thuận Đ cấp dưỡng nuôi hai con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Bà B và ông Đ không có yêu cầu chia tài sản nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ: Bà B và ông Đ khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[9] Về án phí: Bà B không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí hoặc không phải nộp án phí. Vì vậy, bà B là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Ngọc B. Bà Lê Thị Ngọc B được ly hôn ông Trương Thuận Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Đăng H, sinh ngày 01/11/2009 và Trương Phúc Th, sinh ngày 13/4/2018 cho bà Lê Thị Ngọc B tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không ai được quyền cản trở bà Lê Thị Ngọc B trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và cháu Th, cũng như cản trở ông Trương Thuận Đ thăm nom hai con chung.

Vì lợi ích của cháu Trương Đăng H và cháu Trương Phúc Th, khi cần thiết và có yêu cầu của ông Trương Thuận Đ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án sẽ xem xét giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Nếu ông Trương Thuận Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì bà Lê

Thị Ngọc B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom con của ông Trương Thuận Đ theo quy định pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị Ngọc B không yêu cầu ông Trương Thuận Đ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Đăng H và Trương Phúc Th nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị Ngọc B có quyền yêu cầu ông Trương Thuận Đ cấp dưỡng nuôi cháu Trương Đăng H và Trương Phúc Th theo quy định pháp luật.

4. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ngọc B và ông Trương Thuận Đ không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, nếu bà Lê Thị Ngọc B và ông Trương Thuận Đ có tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng có được trong thời kỳ hôn nhân thì bà B hoặc ông Đ có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

5. Về nợ: B Lê Thị Ngọc B và ông Trương Thuận Đ khai không có nên ghi nhận ý kiến và không xem xét.

6. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Ngọc B phải chịu án dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: 0001829 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Lê Thị Ngọc B đã nộp xong án phí. Ông Trương Thuận Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

7. Nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trương Thuận Đ vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- UBND xã Mỹ Long Nam;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh